

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Viết Toàn.

- Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Sinh;

2. Bà Đinh Thị Như Phượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm chưa thành niên thụ lý số: 19/2022/TLPT-HS-CTN ngày 17 tháng 10 năm 2022, do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn H; bị hại anh Trần Nhị T và Trương Thanh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2022/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn H, sinh năm 1977, tại B; Nơi cư trú: Làng T, xã I, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1936; có vợ tên Đặng Thị V, sinh năm 1977; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại. (Có mặt).

2. Lê Văn T; sinh ngày 28/02/2005, tại B; Nơi cư trú: Làng T, xã I, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1977 và bà Đặng Thị V, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ tạm giam: Không; Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại. (Có mặt).

3. Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T: Ông Tống Đức N - Luật

sư của Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh G. (Có mặt).

4. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn T: Bà Đặng Thị V, sinh năm 1977; trú tại: Làng T, xã I, thành phố P, tỉnh G. (Có mặt).

5. Bị hại:

5.1- Anh Trần Nhị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số A đường T, phường C, thành phố P, tỉnh G. (Có mặt).

5.2- Anh Trương Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn U, xã A, thành phố P, tỉnh G. (Có mặt).

6. Đại diện Ban giám hiệu trường THPT N, thành phố P, tỉnh G: Ông Đỗ Thanh T – Giáo viên, Bí thư đoàn trường. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 16/4/2021, ông Trần Nhị T cùng ông Trương Văn T đến nhà Lê Văn H và bà Đặng Thị V (sinh năm 1977) cùng trú tại làng T, xã I, TP.P, tỉnh G, với mục đích để đòi tiền hoa hồng mà lúc trước ông H và bà V hứa đưa ông T vì trước đây ông T đã môi giới bán nhà giúp H và bà V. Lúc này, ông T đứng trước cổng điện thoại cho bà V thì bà V nghe điện thoại rồi bà V cùng H ra ngoài cổng. Ông T đi đến nói: “Vợ chồng anh chị đã đưa tiền môi giới cho anh T chưa? Sao anh T không thấy đưa lại cho tôi”, bà V trả lời: “Không trả” nên giữa vợ chồng H với ông T, ông T xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Lúc này, H cầm 01 kéo bằng kim loại (loại kéo bấm càn), dài 18cm, rộng 05cm, cán nhựa màu cam đánh 01 cái trứng vào phía bờ sau tai phải của ông T làm rách da, chảy máu, kích thước (0,5 x 0,2)cm, thì ông T nói với H: “Tại sao đánh tôi”, H trả lời: “Tụi mày đến nhà tao làm gì”. Cùng lúc này, Lê Văn T (là con trai H) từ trong nhà đi ra, thấy vậy liền nhặt lấy 01 cây cán cuốc bằng gỗ tre dài 150cm, đường kính 03cm (lấy ở phía trước nhà) chạy đến chỗ ông T và ông T đang đứng và cầm bằng 02 tay đẩy ngang vào người ông T và ông T. Thấy vậy, ông T bỏ chạy, khi bỏ chạy thì ông T cầm điện thoại ghi hình quá trình ông T, ông T bị đánh nên bà V có nói: “Anh H, thằng chó kia nó quay video”. Lúc này, H nói T lấy xe mô tô chở H đuổi theo ông T, thì T vứt cây cán cuốc xuống đất rồi chạy vào sân lấy chiếc xe mô tô 81FB – 2462 ra chở H cầm 01 cây cán cuốc đuổi theo ông T. Đuổi theo chạy được khoảng 200 mét thì ông T lấy cây ở bờ rào đánh trúng tay T đang điều khiển xe làm cho xe và người ngã xuống đường (theo lời khai của H và T), H liền đứng dậy cầm cây cán cuốc lao đến đánh nhau với ông T, H cầm cán cuốc đánh 01 cái trứng sau vành tai phải của ông T gây thương tích diện (1,5 x 0,1)cm, làm ông T đi lùi lại thì bị ngã xuống đất. Lúc này, T đi đến nắm cổ áo ông T và nói: “Ông mà đụng vào gia đình tôi thì tôi không để yên cho ông đâu”, nói xong T chở H đi về nhà. Sau khi sự việc xảy ra, ông T và ông T đến Công an xã I trình báo sự việc. Đến 16 giờ 20 phút cùng ngày, ông T và ông T đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai khám và điều trị. Ngày 17/4/2021, ông T ra viện. Ngày 18/4/2021, ông T ra viện. Quá trình giải quyết vụ án, Công an xã I, thành phố Pleiku đã tiến hành lập biên bản ghi nhận

hiện trường vào ngày 16/4/2021, đồng thời thu giữ vật chứng, gồm: 01 cái kéo bấm cạnh bằng kim loại dài 18cm, rộng 05cm, có cán nhựa màu cam; 01 cán cuốc bằng gỗ tre dài 150cm, đường kính 03cm; 01 đoạn gỗ tạp màu đen dài 90cm, đường kính 06cm; 01 đoạn gỗ tạp màu đen dài 02 mét, đường kính 04cm. Sau khi sự việc xảy ra, H đến Cơ quan Công an xã I, thành phố Pleiku đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội nêu trên.

* Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 136/21/TgT ngày 09/7/2021 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Gia Lai về thương tích của ông Trần Nhị T, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: 01 sẹo vết thương phần mềm sau vành tai phải nằm ngang, kích thước (1,5 x 0,1)cm, sẹo liền mờ.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 01%. Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT.

3. Kết luận khác: Xếp thân đốt sống ngực D12 không có cơ sở để kết luận phần trăm tổn hại sức khỏe do chấn thương.

Tại Công văn số 54/CV-TTPY ngày 29/11/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Gia Lai trả lời về việc ông Trần Nhị T bị xếp thân đốt sống D12, có nội dung:

Theo giải phẫu học, đốt sống D12 thuộc phân đoạn giải phẫu học thuộc phần các đốt sống ngực. Vì vậy từ xếp thân đốt sống D12 và xếp đốt sống ngực D12 là một vị trí. Vì trong giám định là phải xác định vị trí cụ thể theo phân đoạn giải phẫu học của cột sống.

Việc xếp đốt sống ngực D12 của ông Trần Nhị T tại thời điểm giám định không có cơ sở để xác định đây là chấn thương do sự tác động của ngoại lực tác động gây nên. Trên hồ sơ bệnh án cũng chỉ ghi nhận bị xếp thân đốt sống D12 ngoài ra không ghi nhận những dấu vết tổn thương phần mềm gì khác liên quan tại vị trí tổn thương đốt sống D12. Vì vậy, Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai không đủ điều kiện cơ sở xác định tổn thương D12 là do ông H đánh gây ra hay do bệnh lý trước đó.

* Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 197/21/TgT ngày 11/8/2021 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Gia Lai về thương tích của ông Trương Văn T, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: 01 vết thương phần mềm sát bờ sau tai phải, kích thước (0,5 x 0,2)cm, sẹo liền. Trên hồ sơ bệnh án điều trị không ghi nhận chuẩn đoán điều trị chấn động não, nên không có cơ sở để xếp loại phần trăm tổn thương cơ thể do chấn động não.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 01%. Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT.

* Về dân sự:

- Ông Trần Nhị T yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng; ông Trương Văn T yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng. Hiện bà Đặng Thị V vợ bị cáo H và là mẹ của bị cáo T đã bồi thường cho ông T, ông T số tiền 8.000.000 đồng.

- Đối với việc xe mô tô biển số 81FB-2462 mà T sử dụng để chở H đuổi theo ông T, sau đó ông T sử dụng cây gỗ đánh vào tay T làm xe ngã xuống đường. Do xe mô tô biển số 81FB-2462 sau khi bị ngã xuống đường không bị thiệt hại gì nhiều nên H và bà V không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 87/CT-VKS ngày 09/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 108/2022/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Lê Văn H 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 36; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn T cho UBND xã I, TP.P, G giám sát và giáo dục.

- Về Dân sự: Căn cứ Điều 590 BLDS 2015, Điều 46 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Văn H tự nguyện bồi thường ông Trần Nhị T số tiền: 25.000.000 đồng, đã bồi thường trước đó 4.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 21.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Văn H tự nguyện bồi thường ông Trương Văn T số tiền: 15.000.000 đồng, đã bồi thường trước đó 4.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 11.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

3. Kháng cáo của bị cáo, bị hại:

3.1- Kháng cáo của bị cáo: Trong thời hạn luật định, bị cáo Lê Văn H kháng cáo xin được hưởng án treo.

3.2- Kháng cáo bị hại: Trong thời hạn luật định ông Trần Nhị T và ông Trương Thanh T kháng cáo yêu cầu xét xử tăng mức hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T và Lê Văn H, về dân sự đề nghị xét xử lại vì chưa thỏa đáng.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

4.1. Các bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Các bị cáo H, T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị hại và xem xét cho bị cáo H được hưởng án treo.

4.2. Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T là ông Tống Đức N - Luật sư trình bày: Hoàn toàn thống nhất như hành vi phạm tội của các bị cáo như tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn H, cho bị cáo H được hưởng án treo. Về dân sự các bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho bị hại, do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần dân sự.

4.3. Người đại diện hợp pháp của bị cáo T là bà Trần Thị Vân trình bày: Bà đồng ý về hành vi phạm tội như Bản án hình sự sơ thẩm; lời khai nhận tội của các bị cáo và lời trình bày Luật sư bào chữa các bị cáo H, T đã nêu. Bà vừa là mẹ bị cáo T, vợ bị cáo H. Nguyên nhân các bị cáo H, T phạm tội là xuất phát từ việc do nghi ngờ ông Trần Nhị T, ông Trương Thanh T đã 04 lần cho rất người đến nhà đe dọa, đòi tiền hoa hồng chuyển nhượng đất làm náo loạn gia đình, hàng xóm nên gia đình rất bức xúc. Vì vậy, trưa ngày 16/4/2021 bị hại T và T tiếp tục đến đòi tiền hoa hồng chuyển nhượng đất, nên xảy ra sự việc nêu trên. Sau khi sự việc xảy ra chính Bà là người đã đến gặp bị hại T, T để xin lỗi và tự nguyện bồi thường thiệt hại, nhưng bị hại T và T đã không đồng ý. Bà đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét để các bị cáo H, T có cơ hội được sửa chữa.

4.3. Bị hại Trần Nhị T và Trương Văn T có ý kiến trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T và Lê Văn H, về dân sự đề nghị xem xét lại.

5. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

Về hình phạt: Bị cáo H kháng cáo xin hưởng án treo; bị hại T và T kháng cáo tăng hình phạt đối với hai bị cáo H, T thấy rằng: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với các bị cáo.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Trần Nhị T và Trương Thanh T về yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại dân sự; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Đúng như nội dung của Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Có đủ cơ sở để kết luận:

Do nghi ngờ về việc bị hại Trần Nhị T, Trương Thanh T đã 04 lần thuê nhiều người đến nhà gia đình các bị cáo H, T gây rối, đe dọa đòi tiền hoa hồng bán đất nên vào khoảng 11 giờ ngày 16/4/2021, tại làng T, xã I, TP.P, tỉnh G, khi bị hại T, T đến nhà đòi tiền hoa hồng bán đất các bị cáo Lê Văn H và bị cáo Lê Văn T đã dùng 01 kéo bằng kim loại (loại kéo bấm càn), cán cuốc là những hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho bị hại Trần Nhị T với tỷ lệ 01% và bị hại Trương Văn T với tỷ lệ 01%.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bản thân các bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T cũng thừa nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo tội “*Cố ý gây thương tích*” là đúng người, không oan.

[2]. Xét kháng cáo của bị hại Trần Nhị T và Trương Văn T yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T và Lê Văn H thì thấy rằng:

Bị cáo Lê Văn H cầm 01 kéo bằng kim loại dài 18cm, rộng 05cm đánh 01 cái trúng vào phía bờ sau tai phải của ông T làm rách da với tỉ lệ tổn thương 01% và bị cáo Lê Văn T khi thấy bị cáo H đánh nhau cũng đã dùng cán cuốc tham gia cùng với bị cáo H đánh 01 cái trúng vành tai phải của ông T gây thương tích diện 1,5 x 0,1cm với tỉ lệ tổn thương 01%. Bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như cân nhắc đến thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của các bị cáo, đã khắc phục được một phần H quả cho bị hại, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, bị cáo Lê Văn H có cha là người có công với cách mạng; Bị cáo Lê Văn T có ông nội là người có công với cách mạng, sau khi phạm tội bị cáo Lê Văn H đã ra đầu thú, khi phạm tội bị cáo H là người chưa thành niên. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đánh giá đúng nhân thân và vai trò của các bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt phù hợp cho các bị cáo.

Đối với bị cáo T là con trai của bị cáo H, hành vi phạm tội của bị cáo là nhất thời khi thấy bố mình đánh nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lê Văn T là phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm và H quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Xét bị cáo T khi phạm tội còn trong độ tuổi chưa thành niên, còn đang là học sinh lớp 11/12 của Trường PTTH N, Tp. P; sống phụ thuộc gia đình, không có thu nhập hàng tháng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo và cũng không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo.

Đối với mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Văn H 03 (ba) tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội gây ra. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị hại tăng mức hình phạt đối với bị cáo H.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn H xin được hưởng án treo thì thấy rằng:

Thương tích bị cáo H gây ra cho bị hại T với tỷ lệ 01% và bị hại Trương Văn T với tỷ lệ 01%, hành vi và tính chất mà bị cáo H đã gây ra thể hiện sự xem thường pháp luật. Tuy nhiên, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn, hối cải; tại giai đoạn sơ thẩm bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 32.000.000 đồng (Theo biên lai số 0002086 ngày 07/9/2022 của Chi cục THADS thành phố Pleiku) để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Nguyên nhân thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo cũng xuất phát từ việc có nhiều người đến nhà gia đình bị cáo đe dọa nhiều lần để đòi tiền hoa hồng mua bán đất đai. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, nghề nghiệp ổn định là lao động chính trong gia đình; Bị cáo cũng đã nộp đầy đủ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm về phần bồi thường theo như Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên. Vì vậy, việc cách ly bị cáo H ra khỏi xã hội là không cần thiết, không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Để tạo điều kiện cho bị cáo được cơ hội sửa chữa, hưởng sự khoan hồng của pháp luật chỉ cần xử bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo H.

[4]. Xét kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại dân sự của bị hại Trần Nhị T và Trương Thanh T thì thấy rằng:

Ông Trần Nhị T yêu cầu bồi thường tổn hại về sức khỏe với tổng số tiền là 160.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi triệu*); ông Trương Văn T yêu cầu bồi thường tổn hại về sức khỏe với tổng số tiền là 65.000.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu*).

Tại phiên tòa cấp sơ thẩm, bị cáo Lê Văn H tự nguyện bồi thường cho ông Trần Nhị T số tiền 25.000.000 đồng, đã bồi thường được 4.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 21.000.000 đồng, bị cáo Lê Văn H tự nguyện bồi thường cho ông Trương Văn T số tiền 15.000.000 đồng, đã bồi thường được 4.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 11.000.000 đồng, việc bị cáo Lê Văn H tự nguyện bồi thường và khoản tiền bị cáo xin tự nguyện bồi thường là thỏa đáng và đúng theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Trần Nhị T và Trương Thanh T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xem xét về phần dân sự của các bị hại Trần Nhị T và Trương Thanh T.

Vì kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Văn H.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về hình phạt.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Nhị T và Trương Thanh T về yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn T và tăng mức bồi thường dân sự.

3. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

4. Về hình phạt:

4.1- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H **03 (ba)** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (mười hai)** tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/11/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã I, thành phố P, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4.2- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 36; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T **06 (Sáu)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã I, thành phố P, tỉnh G nơi người bị kết án nhận được xuất trình quyết định thi hành án và Bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn T về cho UBND xã I, thành phố P, tỉnh G nơi thường trú của bị cáo để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình của bị cáo phải có trách nhiệm phối hợp cùng UBND xã I, thành phố Pleiku trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

5. Về dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Lê Văn H phải bồi thường cho ông Trần Nhị T số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và bồi thường cho ông Trương Thanh T số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Bị cáo Lê Văn H đã nộp số tiền 8.000.000đ theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2022 giữa Công an thành phố Pleiku và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku và đã nộp số tiền 32.000.000 đồng theo biên lai số 0002086

ngày 07/9/2022 tại Chi cục THADS thành phố Pleiku. (Bị cáo H đã bồi thường xong).

Bị hại ông Trần Nhị T và ông Trương Thanh T được quyền liên hệ Chi cục THADS thành phố Pleiku để nhận toàn bộ số tiền trên.

7. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Lê Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- THADS thành phố Pleiku;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Viết Toàn